

Bản án số: 24 /2018/DS-ST

Ngày: 10/9 /2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị lệ Thủy.

Ông Nguyễn Kim Thành

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 58/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐST-DS ngày 15/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T.

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà R, số 9 Đoàn Văn B, phường 14, quận 2, TP Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Lô Bằng G, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Hiền Th, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi nợ pháp lý -Trung T thu hồi nợ - Khối Quảng trị rủi ro – Công ty Tài chính TNHH MVT Ngân hàng Việt Nam T (Theo Văn bản ủy quyền số 14/UQ-QTRR.17 ngày 22 tháng 03 năm 2017). Ông Lê Hiền Th ủy quyền cho ông Vũ Đình L -.sinh năm 1997 và ông Trương Ngọc A – sinh năm :1981- Cùng Địa chỉ: 353 Nguyễn Tri Ph, quận H, Thành phố Đà Nẵng.(Theo giấy ủy quyền số 3282/UQTA-VH18 ngày 16 tháng 4 năm 2017) Ông A vắng mặt, ông L có mặt.

* Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1978. Địa chỉ: K20/8 đường Nguyễn Công Tr, tổ 01, phường A, quận S, TP.Đà Nẵng,vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 24/5/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Vũ L trình bày:*

Vào ngày 25/03/2016,bà Huỳnh Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 20160325-500000-1309 với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền 32.968.992 đồng với lãi suất thỏa thuận 4,58% /tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền 55.313.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 24; 23 tháng đầu,mỗi tháng trả 2.294.000 đồng tháng cuối cùng 2.551.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 01/05/2016.

Thực hiện hợp đồng bà T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T 5 lần với tổng số tiền đã trả 11.470.000 đồng. Kể từ ngày 31/08/2016 đến nay,bà Huỳnh Thị T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Nay Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị T trả một lần cho công ty tổng số tiền là 43.843.000 đồng(Trong đó gốc 28.799.239đồng và lãi 15.043.761 đồng) ngoài ra không yêu cầu thêm khoản lãi nào khác.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T đối với bà Huỳnh Thị T thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bà Huỳnh Thị T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Vào ngày 25/03/2016, bà Huỳnh Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 20160325-500000-1309 với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T vay số tiền 32.968.992 đồng với lãi suất thỏa thuận 4,58% /tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền 55.313.000 đồng. Thực hiện hợp đồng bà T đã trả được 11.470.000 đồng. Kể từ ngày 31/08/2016 đến nay, bà Huỳnh Thị T không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả nợ mặc dù Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Nay Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị T trả một lần cho công ty tổng số tiền là 43.843.000 đồng (Trong đó gốc 28.799.239 đồng và lãi 15.043.761 đồng) ngoài ra không yêu cầu thêm khoản lãi nào khác.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 20160325-500000-1309 ngày 25/03/2016 giữa Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T đối với bà Huỳnh Thị T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Huỳnh Thị T chỉ thanh toán được một phần lãi và gốc theo hợp đồng, nhưng từ ngày 31/8/2016 bà T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền này cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T là vi phạm định kỳ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín

dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết. Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T đề nghị Tòa án buộc bà Huỳnh Thị T phải trả số tiền còn nợ 43.843.000đ (Bốn mươi ba triệu, tám trăm bốn ba ngàn đồng chẵn). Trong đó số tiền dư nợ gốc còn lại là: 28.799.239đồng và lãi là 15.043.761đồng, ngoài ra không yêu cầu thêm khoản lãi nào khác là phù hợp với Điều khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290; 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và án lệ 08/2016/AL ngày 17.10.2016 nên cần được chấp nhận.

[4)] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà T phải chịu là $(43.843.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 2.192.150 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ 08/2016/AL ngày 17.10.2016.

Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của giữa Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T đối với bà Huỳnh Thị T

Xử:

1. Buộc bà Huỳnh Thị T phải trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 43.843.000 đồng (trong đó nợ gốc 28.799.239 đồng, nợ lãi là 15.043.761 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS- ST: 2.192.150đ đồng bà Huỳnh Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 1.096.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008747 ngày 28/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, TP Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

LƯƠNG THỊ ANH